

Số: /BC-STTTT

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp tháng 11 năm 2024

Thực hiện Công văn số 1015/VPUBND-THVX ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuẩn bị nội dung báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, đề án, nhiệm vụ trọng tâm của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo tình hình Chuyển đổi số tháng 11 năm 2024 trên địa bàn tỉnh với các nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Xây dựng Chính quyền số

1.1. Về công tác chỉ đạo, điều hành, thể chế số

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về chuyển đổi số; Đề án chuyển đổi số Tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; phát triển chính quyền số, hiện đại hóa hoạt động quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tiếp tục triển khai các Kế hoạch: Tổ chức tập huấn công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng năm 2024⁽¹⁾.

- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số Tỉnh Đồng Tháp thực hiện kiểm tra tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại một số đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch⁽²⁾.

1.2. Nhận thức số

Các cơ quan Báo, Đài ở địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền về chuyển đổi số trên các báo, đài, trang thông tin điện tử và hệ thống truyền thanh cơ sở, trong tháng 11, toàn tỉnh có 268 lượt tin, bài tuyên truyền về chuyển đổi số trên các phương tiện truyền thông.

Chuyên trang thông tin điện tử về chuyển đổi số tại địa chỉ <https://chuyendoiso.dongthap.gov.vn> với tần suất cập nhật ít nhất 02 tin, bài/tuần, đồng thời chỉ đạo cho tất cả các cơ quan nhà nước có Trang thông tin điện tử đều

⁽¹⁾. Kế hoạch số 319/KH-UBND ngày 25/09/2024 về việc Tổ chức tập huấn công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng năm 2024

⁽²⁾. Kế hoạch số 338/KH-BCĐCĐS ngày 14/10/2024 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp về việc kiểm tra tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại một số đơn vị, địa phương

phải xây dựng chuyên mục chuyển đổi số.

Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp, Hệ thống thông tin truyền thanh cơ sở ở các địa phương phát tin trên chuyên mục riêng về chuyển đổi số với tần suất phát sóng 1 lần/tuần.

Các Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục “đi từng ngõ, gõ từng nhà” tích cực hướng dẫn, hỗ trợ người dân ứng dụng công nghệ số.

1.3. Hạ tầng số

Mạng viễn thông tiếp tục phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ viễn thông, internet, đồng thời đảm bảo duy trì tiêu chí số 8 về xây dựng nông thôn mới của tỉnh (115/115 xã đạt tiêu chí số 8, đạt 100% xây dựng nông thôn mới, 53/115 xã đạt tiêu chí số 8 xây dựng nông thôn mới nâng cao, đạt 46,1%). Toàn tỉnh có 08 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông; 4.599 trạm BTS (1.144 trạm 2G, 1.325 trạm 3G, 2.090 trạm 4G, 40 trạm 5G); 1.831.160 thuê bao điện thoại (28.040 thuê bao điện thoại cố định và 1.803.120 thuê bao điện thoại di động); 1.764.830 thuê bao Internet băng rộng. Số thuê bao băng rộng cố định FTTH là hộ gia đình 362.565 thuê bao. Tỷ lệ hộ gia đình có băng rộng cáp quang FTTH đạt 83,80%; 100% khóm, ấp trên địa bàn tỉnh đã phủ sóng thông tin di động 3G, 4G và có đường truyền Internet cáp quang FTTx.

Đã hỗ trợ người dân chuyển đổi được 202.226 thuê bao từ 2G sang 4G và điện thoại thông minh; phát triển 2.451 tên miền quốc gia .vn, nâng tổng số tên miền quốc gia .vn đang hoạt động trên địa bàn Tỉnh lên 4.311 tên miền.

Hạ tầng công nghệ thông tin được đầu tư, nâng cấp phục vụ chính quyền số. Hệ thống mạng diện rộng WAN, mạng LAN, mạng truyền số liệu chuyên dùng đã được kết nối đến 100% cơ quan hành chính đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước.

1.4. Dữ liệu số

Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh Đồng Tháp tiếp tục được các địa phương, đơn vị thường xuyên được tổng hợp và hiển thị trên IOC của tỉnh, phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo.

Hiện đang triển khai Xây dựng kho dữ liệu dùng chung và nền tảng dữ liệu mở tỉnh Đồng Tháp.

1.5. Dịch vụ công trực tuyến và các hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

Đến tháng 11/2024, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Đồng Tháp đã cung cấp được 841 DVCTT toàn trình (đạt tỷ lệ 100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình), 561 DVCTT một phần (đạt tỷ lệ 100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần). Hầu hết các TTHC đủ điều kiện đều đã được cung cấp dưới dạng DVCTT toàn trình giúp cho người dân, doanh nghiệp chủ động hơn trong việc thực hiện TTHC.

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh kết nối, tích hợp, chia

sẽ dữ liệu về Công Dịch vụ công Quốc gia, đến nay, đã tích hợp tổng cộng 1.713 dịch vụ công trực tuyến (trong đó, có 1.098 DVCTT toàn trình và DVCTT một phần).

Kho dữ liệu cá nhân đã được triển khai trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, phục vụ cho việc số hoá thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính, giúp người dân, doanh nghiệp có thể tái sử dụng cho những lần thực hiện thủ tục hành chính tiếp theo. Tính đến ngày 18/11/2024, Công dịch vụ công quốc gia đã ghi nhận 146.583 hồ sơ của Tỉnh được tái sử dụng giấy tờ kết quả giải quyết TTHC chiếm tỷ lệ 20,58%.

Trong tháng 11, tổng đài 1022 của Tỉnh đã tiếp nhận và xử lý 428/434 ý kiến phản ánh của người dân, doanh nghiệp đạt tỷ lệ 98,6% (còn 6 ý kiến đang xử lý chưa đến hạn).

1.6. Nguồn nhân lực số

Sở Thông tin và Truyền thông đang triển khai các lớp đào tạo theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, nghiệp vụ, kỹ năng về thông tin và truyền thông cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2024.

Về triển khai các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số trên nền tảng học mở trực tuyến (MOOCs), đến nay đã có 5.785 tài khoản (*tăng 1.238 tài khoản so với tháng 10*) nhân sự tham gia gồm thành viên ban chỉ đạo chuyển đổi số Tỉnh, cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm công tác chuyển đổi số tại các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn Tỉnh với 60.310 lượt tham gia các khoá học (*tăng 10.537 lượt so với tháng 10*), trong đó có 45.952 khoá học đã hoàn thành (*tăng 18.284 lượt so với tháng 10*), đạt tỷ lệ 76% (*tăng 20% so với tháng 10*).

1.7. An toàn, an ninh mạng

Đến nay trên địa bàn tỉnh có 5.129 thiết bị được giám sát mã độc tập trung; các sở, ban, ngành có số lượt nhiễm trung bình: 421 lượt/đơn vị (*tăng 240 lượt so với tháng 10*); địa phương cấp huyện, thành phố có số lượt nhiễm trung bình: 1.592 lượt/địa phương (*giảm 450 lượt so với tháng 10*). Hầu hết các cảnh báo lỗ hổng bảo mật đều được các đơn vị, địa phương triển khai các biện pháp vá lỗi đầy đủ, các mạng LAN bị nhiễm mã độc botnet đều được xử lý triệt để, góp phần làm sạch không gian mạng của tỉnh Đồng Tháp nói riêng và của cả nước nói chung.

Sở Thông tin và Truyền thông đã thẩm định và phê duyệt cấp độ an toàn thông tin hệ thống mạng LAN cho tất cả các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh (**20** đơn vị cấp tỉnh, **12** đơn vị cấp huyện và **143** đơn vị cấp xã), hệ thống thông tin mạng nội bộ Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Tháp, hệ thống thông tin ngành Tài nguyên và Môi trường và IOC thành phố Hồng Ngự, Hệ thống thông tin phần mềm số hóa OCOP. Tiếp tục duy trì 4/4 lớp bảo đảm an toàn thông tin theo Nghị định số 85/NĐ-CP. Các máy tính của các cơ quan nhà nước cài đặt phần mềm phòng chống mã độc; kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu tình hình lây nhiễm mã độc với hệ thống kỹ thuật của Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia; thuê đơn vị độc lập giám sát 100% thiết bị, hệ thống thông tin tại

Trung tâm tích hợp dữ liệu Tỉnh.

2. Phát triển Kinh tế số, Xã hội số

2.1. Về kinh tế số

Tỉnh Đồng Tháp bước đầu khai thác Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến của người dân (VNForm) do Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai để khảo sát, thu thập ý kiến của người dân và doanh nghiệp trong quá trình trải nghiệm thủ tục hành chính trên môi trường mạng.

Hơn 438 sản phẩm của 102 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hợp tác xã được duy trì kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử lớn như Tiki, Lazada, Shopee, Sendo, Postmart, Tik Tok. Riêng sàn giao dịch Vò Sò đã dừng hoạt động, các địa phương đang hỗ trợ chuyển niêm yết sản phẩm sang các sàn giao dịch hoặc nền tảng thương mại điện tử khác. Triển khai mô hình thí điểm “Xã thương mại điện tử Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp”.

Đã thu hút 11 doanh nghiệp lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số đặt trụ sở làm việc hoặc văn phòng đại diện trong không gian khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

Ủy ban nhân Tỉnh phê duyệt chủ trương tiếp tục thực hiện thuê Cổng thông tin du lịch và Ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch vận hành và thực hiện các thủ tục để thuê dịch vụ công nghệ thông tin Cổng du lịch thông minh, trong đó có ứng dụng công nghệ thực tế ảo để quảng bá 04 địa điểm du lịch: khu di tích Nguyễn Sinh Sắc, làng hoa Sa Đéc, khu văn hoá Phương Nam, nhà cổ Huỳnh Thủy Lê.

Một số doanh nghiệp đã từng bước ứng dụng các hệ thống thông minh trong quá trình hoạt động sản xuất như hệ xử lý kho thông minh, hoạch định tài nguyên doanh nghiệp, lập kế hoạch và quản lý sản xuất.

EVN Đồng Tháp đã trang bị 13 thiết bị bay không người lái (drone) để kiểm tra lưới điện phân phối. 100% hồ sơ khách hàng giao dịch theo phương thức điện tử, hợp đồng được thực hiện bằng hợp đồng mua bán điện điện tử.

2.2. Về xã hội số

Toàn tỉnh có 08 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông; 4.599 trạm BTS (1.144 trạm 2G, 1.325 trạm 3G, 2.090 trạm 4G, 40 trạm 5G); 1.831.160 thuê bao điện thoại (28.040 thuê bao điện thoại cố định và 1.803.120 thuê bao điện thoại di động); 1.764.830 thuê bao Internet băng rộng . Số thuê bao băng rộng cố định FTTH là hộ gia đình 362.565 thuê bao. Tỷ lệ hộ gia đình có băng rộng cáp quang FTTH đạt 83,80%; 100% xóm, ấp trên địa bàn tỉnh đã phủ sóng thông tin di động 3G, 4G và có đường truyền Internet cáp quang FTTx.

Sở đã tổ chức lớp tập huấn về chuyên môn và định hướng hoạt động cho các Tổ Công nghệ số cộng đồng (đợt 2) như: hướng dẫn cài đặt e-Dong Thap, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến, Google Gemini và IoT, VNPT Money, chữ ký số,

Bên cạnh đó, các cấp bộ đoàn tiếp tục duy trì hoạt động các Tổ Thanh niên chuyển đổi số cộng đồng ở 12/12 huyện, thành phố; 143/143 xã, phường, thị trấn; triển khai nhiều hoạt động thiết thực để hỗ trợ người dân ứng dụng công nghệ số vào sản xuất và đời sống, góp phần rất lớn vào kết quả chuyển đổi số của tỉnh. Nhiều mô hình chuyển đổi số được các Tổ công nghệ số triển khai đồng loạt như “Mô hình chợ 4.0”; “Căn-tin không dùng tiền mặt”, điểm sinh hoạt cộng đồng; triển khai 16 “tuyến đường chuyển đổi số”, ... đạt được kết quả tích cực⁽³⁾.

So với chỉ tiêu đề ra trong Đề án chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp: Vượt 16/46 chỉ tiêu; Đạt: 20/46⁴ ↑ chỉ tiêu; Chưa đạt: 7/46 chỉ tiêu; 03 chỉ tiêu chưa có cơ sở đánh giá.

So với chỉ tiêu đề ra trong Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024: Vượt 14/46 chỉ tiêu; Đạt 20/46 ↑ chỉ tiêu; Duy trì 01/46; Chưa đạt: 5/46 chỉ tiêu; 06 chỉ tiêu chưa có cơ sở đánh giá.

(Chi tiết xem Phụ lục I đính kèm).

3. Kết quả chuyển đổi số 3 lĩnh vực trọng tâm

3.1. Lĩnh vực Nông nghiệp

Đề án Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp được các cấp ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức quán triệt đến đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý, nhờ đó tạo được sự đồng thuận, chung sức của cả hệ thống chính trị trong việc triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số nông nghiệp trên phạm vi toàn tỉnh.

Toàn tỉnh đã lắp đặt 06 Trạm quan trắc nước, 15 Trạm giám sát côn trùng sử dụng IoT trong việc tự động thu thập dữ liệu phục vụ cảnh báo, dự báo các bất lợi do thiên nhiên và dịch bệnh gây ra để kịp thời ứng phó. Đang duy trì vận hành 28 phần mềm/CSDL, trong đó có 19 phần mềm/CSDL do các đơn vị thuộc trung ương triển khai, 09 phần mềm/CSDL do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị thuộc UBND tỉnh triển khai. Nhìn chung việc triển khai sử dụng các phần mềm, cơ sở dữ liệu ở một số lĩnh vực thuộc ngành đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

Nền tảng dữ liệu số về nông nghiệp được duy trì ổn định với 15 biểu mẫu báo cáo thuộc các lĩnh vực quản lý cụ thể: trồng trọt, chăn nuôi - thú y, thủy sản,

⁽³⁾ . Các Tổ đã triển khai được 24 tuyến đường chuyển đổi số, 21 điểm chợ 4.0, 61 điểm căn tin/ điểm ăn uống không dùng tiền mặt, mô hình cộng đồng dân cư số 4.0 tại Mỹ An Hưng A, Lấp Vò. Mô hình ngày thứ bảy tình nguyện hỗ trợ người dân giải quyết TTHC ở các Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Cài đặt ứng dụng e-DongThap: 113.193 lượt; Cài đặt ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt: 59.241 lượt; Số hộ kinh doanh/cửa hàng cài đặt thanh toán không dùng tiền mặt: 9.718 cửa hàng/hộ kinh doanh; Số lượt tuyên truyền hướng dẫn dịch vụ công trực tuyến: 43.046 lượt; Số lượt cài đặt chữ ký số các nhân: 4.470 lượt; Số lượt hỗ trợ đăng sản phẩm lên sàn thương mại điện tử: 2.095 lượt; Số lượt tổ chức tuyên truyền và biết cách khai thác thông tin trên internet, cách bảo vệ bản thân và gia đình trên môi trường mạng, phản ánh kiến nghị về an ninh trật tự qua ứng dụng VNeID: 39.051 lượt; Số lượt hỗ trợ người dân chuyển đổi sim 2G lên 4G: 41.645 lượt; Số lượt hỗ trợ người dân chuyển đổi sang điện thoại thông minh: 32.175 lượt.

⁴ Chỉ tiêu: Sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) có mặt trên các sàn thương mại điện tử đạt 100%.

phát triển nông thôn, kiểm lâm. Mô hình “Làng thông minh” tại xã Tân Thuận Tây đã cơ bản hoàn thành với khối lượng ước đạt 95%, tỉnh đang triển khai nhân rộng đến các xã nông mới nâng cao.

Hiện nay Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được UBND Tỉnh giao chủ trì phối hợp các đơn vị liên quan để xây dựng, công bố nền tảng dữ liệu số ngành nông nghiệp. Tuy nhiên, do còn nhiều cơ sở pháp lý chưa phù hợp, nên hiện nay đơn vị đang phối hợp đơn vị tư vấn lập báo cáo thuyết minh lựa chọn hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin hoặc đầu tư, mua sắm làm cơ sở để trình UBND Tỉnh quyết định việc đầu tư, mua sắm hoặc thuê sử dụng dịch vụ CNTT (theo hướng dẫn tại Công văn số 3127/BTTTT-CĐSQG ngày 31/7/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc tăng cường hiệu quả quản lý đầu tư ứng dụng CNTT phục vụ chuyển đổi số năm 2024), từ đó làm cơ sở xây dựng kế hoạch đầu tư hoặc thuê sử dụng dịch vụ công nghệ thông tin cho Nền tảng dữ liệu số ngành nông nghiệp.

So sánh kết quả thực hiện với các chỉ tiêu đề ra trong Đề án chuyển đổi số nông nghiệp: Đạt 08/12⁵ ↑ chỉ tiêu; Chưa đạt: 04/12 chỉ tiêu. (Chi tiết xem Phụ lục II đính kèm).

3.2. Lĩnh vực Y tế

Hệ thống thông tin ngành y tế và hệ thống chẩn đoán bệnh từ xa được áp dụng cho 100% cơ sở khám, chữa bệnh, giúp Sở Y tế và các cơ sở y tế tuyến trên có thể theo dõi, hỗ trợ khám điều trị bệnh cho các cơ sở y tế tuyến dưới. Toàn tỉnh hiện nay có 165/165 cơ sở khám, chữa bệnh chấp nhận thanh toán không dùng tiền mặt trong việc thanh toán phí, viện phí; Hệ thống điều hành y tế thông minh đã kết nối đến 100% cơ sở khám chữa bệnh công lập; 87% dân số đã có hồ sơ sức khỏe điện tử.

Sở Kế hoạch Đầu tư đã có báo cáo thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án: Xây dựng HTTT điều hành y tế thông minh ngành Y tế; Triển khai mô hình Bệnh viện thông minh; Triển khai bệnh án điện tử cho các Bệnh viện đa khoa khu vực⁽⁶⁾.

So sánh kết quả thực hiện với các chỉ tiêu đề ra trong Đề án chuyển đổi số ngành Y tế: Đạt: 5/9 chỉ tiêu. Chưa đạt 4/9 chỉ tiêu. (Chi tiết xem Phụ lục III đính kèm).

3.3. Lĩnh vực Giáo dục

- Sở GDĐT đã triển khai dạy học với mô hình giáo dục STEM đến 100% các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến cấp trung học phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, đã tổ chức bồi dưỡng tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên, tổ chức các hội thi về giáo dục STEM.

- Đã triển khai thanh toán không dùng tiền mặt được 546/597 cơ sở giáo

⁵ Chỉ tiêu 10: 100% sản phẩm OCOP trên sàn TMĐT, chỉ tiêu 12: hỗ trợ tư vấn trên 60% nông dân ứng dụng IOT vào quy trình sản xuất,...

⁽⁶⁾. Báo cáo 105/BC-SKHĐT, 106/BC-SKHĐT, 107/BC-SKHĐT ngày 14/8/2024.

dục phổ thông, giáo dục thường xuyên đạt tỉ lệ 91,46%.

- 100% Các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số. Các cơ sở giáo dục đều có xây dựng học liệu số dùng cho đơn vị, Sở GDĐT xây dựng kho học liệu số chia sẻ cho toàn ngành cơ bản đạt⁽⁷⁾ 50%.

- 99,17% văn bản được trao đổi qua môi trường mạng dưới dạng văn bản điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật. 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan, các cơ sở giáo dục trực thuộc được thực hiện trên nền tảng quản trị số (hệ thống iDesk);

- Đã có hơn 12.888 cán bộ quản lý và giáo viên được trang bị chữ ký số, tất cả cán bộ quản lý đều có chữ ký số phục vụ cho xử lý văn bản, ký học bạ điện số.

- Đã tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên tập huấn về bảo mật an toàn thông tin trên nền tảng Onetouch⁽⁸⁾ và công chức tham gia khóa học MOOCS⁽⁹⁾ do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

- Sở GDĐT đã ban hành các hướng dẫn các trường thực hiện số hoá các hồ sơ sổ sách chuyên môn⁽¹⁰⁾, kể từ năm học 2023-2024 triển khai nhân rộng hồ sơ số, học bạ điện tử¹¹, sổ điểm điện tử; xây dựng được kho học liệu số, bài giảng điện tử dùng chung.

- Kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu ngành giáo dục để chia sẻ cho các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung trên địa bàn Tỉnh.

- Đã tổ chức tập huấn cho hơn 11.000 giáo viên và cán bộ quản lý trên nền tảng Onetouch. Năm học 2024-2025 sẽ tiếp tục duy trì và mở rộng trên Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs).

So sánh kết quả thực hiện với các chỉ tiêu đề ra trong Đề án chuyển đổi số ngành giáo dục: Đạt: 11/14 chỉ tiêu; Chưa đạt: 02/14 chỉ tiêu; 01 chỉ tiêu chưa đủ điều kiện đánh giá; 01 chỉ tiêu cần phân tích rõ thêm để đánh giá đạt hay chưa đạt. (Chi tiết xem Phụ lục IV đính kèm).

4. Kết quả hoạt động của IOC Tỉnh và các địa phương

Đến nay tỉnh đã có 01 Trung tâm giám sát điều hành thông minh (IOC) đặt tại Trung tâm Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp và 03 Trung tâm điều hành (OC) tại thành phố Cao Lãnh, thành phố Sa Đéc và thành phố Hồng Ngự. IOC của tỉnh

⁷. Tổng số học liệu (được người đứng đầu CSGD phê duyệt theo bậc học) hiện có: 18.057 học liệu, học liệu Sở GDĐT được chia sẻ tại địa chỉ <https://bit.ly/hoclieudongthap>

⁸. <https://onetouch.mic.gov.vn> (Công bồi dưỡng trực tuyến mở của Bộ Thông tin và Truyền thông) có hơn 11.000 cán bộ quản lý và giáo viên tham gia.

⁹. <https://chuyendoiso.mobiedu.vn> (Công văn số 1735/STTT-CĐS&ATTT ngày 19/12/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông).

¹⁰. Hướng dẫn số 124/HD-SGDĐT ngày 10/10/2023 và Công văn số 1370/SGDĐT ngày 18/9/2023 của Sở GDĐT Đồng Tháp hướng dẫn Về việc thực hiện, sử dụng hồ sơ điện tử tại các cơ sở giáo dục tiểu học kể từ năm học 2023 – 2024.

¹¹. Trong năm học 2023-2024 Sở GDĐT đã triển khai thí điểm học bạ điện tử đến tất cả các trường tiểu học toàn tỉnh (khối lớp 1, 2, 3, 4).

được thiết kế theo hướng mở thuận lợi kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác để thuận tiện cho việc phân tích, dự báo và hỗ trợ ra quyết định, đồng thời chia sẻ kết quả lại cho các OC ngành, địa phương.

OC thành phố Hồng Ngự hiện đang giám sát 12 lĩnh vực, trong đó kế thừa 06/12 lĩnh vực từ IOC tỉnh và phát triển 06/12 lĩnh vực riêng theo nhu cầu của địa phương, năm 2024 thành phố Hồng Ngự được Hiệp hội phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin Việt Nam lựa chọn để trao tặng Bằng khen của Giải thưởng “**Thành phố An ninh, an toàn và Thành phố Điều hành, quản lý (IOC)**”.

OC thành phố Cao Lãnh hiện đang giám sát 08 lĩnh vực. Trong 08 lĩnh vực này, thành phố Cao Lãnh có thể kế thừa cả 08 lĩnh vực do IOC tỉnh chia sẻ.

OC thành phố Sa Đéc đang triển khai 12 lĩnh vực⁽¹²⁾.

5. Kết quả triển khai các dự án đầu tư năm 2024

(Kèm theo Phụ lục VI)

6. Kết quả triển khai Đề án 06

Đến nay, tỉnh Đồng Tháp đã thống nhất 40/44 mô hình điểm theo hướng dẫn của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 Trung ương để triển khai trên địa bàn tỉnh.

Hiện Sở Giao thông vận tải đang dự thảo Kế hoạch triển khai mô hình thí điểm đổi giấy phép lái xe tại Cơ sở Y tế; dự kiến triển khai đầu năm 2025.

7. Kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số (tại Quyết định số 58/QĐUBQGCS ngày 19/4/2024)

(Kèm theo Phụ lục V)

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

1. Lĩnh vực Giao thông Vận tải

Dự án Xây dựng Hệ thống quản lý hạ tầng giao thông: Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Công văn số 3276/SKHĐT-ĐTC ngày 11/11/2024 về việc ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng hệ thống quản lý hạ tầng giao thông. Sở Giao thông vận tải đang tiếp tục phối hợp giải trình.

Đối với 03 mô hình điểm của Đề án 06: *Mô hình 13*: Triển khai thiết bị giám sát thi cử, sát hạch lái xe; *Mô hình 15*: Triển khai sử dụng CCCD gắn chip quét thanh toán vé tàu, xe,... không dùng tiền mặt; *Mô hình 19*: Triển khai giải pháp thu phí không dùng tiền mặt tại các bãi xe trên địa bàn tỉnh. Hiện tại, Sở GTVT đang triển khai Mô hình 13 và Mô hình 15, riêng đối với Mô hình 19 chưa triển khai thực hiện, chờ ý kiến hướng dẫn của Tổ công tác Đề án 06 tỉnh.

2. Lĩnh vực Xây dựng

Dự án “Xây dựng hệ thống quản lý quy hoạch hạ tầng đô thị” là dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực xây dựng, tính chất dự án có nhiều yêu

⁽¹²⁾ . KTXH, DVC, Phản ánh kiến nghị, Giáo dục, Du lịch, Văn hóa- Thể thao, Tài nguyên, Nông nghiệp, Quản lý đô thị, Camera, Y tế, Vốn đầu tư công.

tổ mới, nhà thầu tư vấn thiết kế và lập dự toán hạn chế về số lượng – năng lực dẫn đến phải tổ chức lựa chọn nhà thầu nhiều lần không thành công..., từ đó gây ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

3. Lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội

Việc triển khai thực hiện các Mô hình điểm Đề án 06 vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tiến độ còn chậm so với yêu cầu đề ra, nhất là việc đồng bộ vào Cơ sở dữ liệu dân cư và hiển thị trạng thái trên ứng dụng Công dân số VNeID.

Chưa xây dựng quy chế quản trị, vận hành trang thông tin điện tử tại Sở và các đơn vị trực thuộc có triển khai trang thông tin điện tử.

4. Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường

Số lượng hồ sơ phát sinh hàng ngày khá lớn, với nhiều thành phần đầu vào đa dạng. Mỗi thành phần hồ sơ cần được quét riêng biệt, sau đó thực hiện ký số hai lớp và số hóa theo đúng quy định. Do đó, tiến độ số hóa hồ sơ còn thấp.

Số lượng hồ sơ đất đai tiếp nhận và giải quyết trong ngày rất nhiều, tất cả đều scan và lưu vào hệ thống nên máy chủ lưu trữ với khối lượng dữ liệu khổng lồ. Do đó, việc đảm bảo an toàn an ninh mạng cho hệ thống thông tin đất đai là vấn đề đang đặt ra nhiều khó khăn, thử thách đối với đơn vị.

5. Khó khăn chung

Việc đăng nhập Cổng dịch vụ công Quốc gia qua tài khoản VNeID thường xuyên gặp lỗi: không kết nối, không nhận được mã OTP.

Vẫn còn nhiều người dân chưa tạo tài khoản ngân hàng và chưa tiếp cận với việc thanh toán phí, lệ phí trực tuyến. Bên cạnh đó, số tiền nộp phí, lệ phí ít, người dân vẫn quen với việc thanh toán bằng tiền mặt; do vậy, số lượng thanh toán phí, lệ phí trực tuyến còn hạn chế.

Nhiệm vụ chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp trong thời gian qua phát sinh rất lớn nhưng nguồn nhân lực làm nhiệm vụ chuyển đổi số vừa thiếu, vừa yếu lại chưa có chính sách giữ chân nên tình trạng khan hiếm nhân lực chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước diễn ra kéo dài. Nhiều bộ, ngành trung ương được giao chủ trì xây dựng các nền tảng chuyển đổi số nhưng đến nay vẫn chưa có nội dung triển khai cụ thể, gây lúng túng cho các địa phương trong việc tổ chức các nhiệm vụ phối hợp.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

- Triển khai Kế hoạch diễn tập thực chiến đảm bảo ATTT trên địa bàn Tỉnh năm 2024; Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số và ATTT năm 2024; Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số năm 2024.

- Nâng cấp kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Đồng Tháp từ phiên bản 2.0 lên phiên bản 3.0 theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Đôn đốc học viên tham gia các khóa học về chuyển đổi số qua nền tảng trực tuyến MOOCs theo khung chương trình của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Triển khai các giải pháp phát triển công dân số như: hỗ trợ sử dụng điện thoại thông minh, chữ ký điện tử cá nhân, phổ cập ứng dụng công nghệ số, ...

- Tiếp tục rà soát danh mục hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thực hiện số hoá và tái cấu trúc quy trình, đảm bảo thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Thường xuyên theo dõi, so sánh kết quả hiện trạng với các chỉ tiêu đề ra trong chương trình công tác của Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số, Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về chuyển đổi số để kịp thời đưa ra các biện pháp duy trì hoặc đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

- Kiểm tra tình hình các nhiệm vụ chuyển đổi số của các sở, ngành, địa phương.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Các Bộ, ngành Trung ương:

Công khai trạng thái hoạt động các cơ sở dữ liệu quốc gia theo thời gian thực để các địa phương: kịp thời xác định nguyên nhân sự cố, tắt nghẽn các hệ thống thông tin có kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia; giảm thiểu thời gian khắc phục sự cố; tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương và trung ương trong việc quản lý và vận hành hệ thống.

2. UBND Tỉnh

- Xem xét, bố trí kinh phí để đơn vị mua các phần mềm có bản quyền như: Microsoft Office, hệ điều hành Windows, ... cho máy tính của cán bộ, công chức, viên chức đang sử dụng để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

- Kiến nghị Tổ công tác Đề án 06 Tỉnh xem xét, sớm cho ý kiến hướng dẫn hình thức triển khai Mô hình 19 Triển khai giải pháp thu phí không dùng tiền mặt tại các bãi xe trên địa bàn tỉnh.

3. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố

- Đề nghị các đơn vị (*Chi tiết xem Phụ lục VII đính kèm*) cung cấp số liệu về chuyển đổi số hàng tháng đảm bảo chính xác, đúng tiến độ và có kết quả đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số của đơn vị, địa phương mình so với các chỉ tiêu trong Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về chuyển đổi số, Đề án chuyển đổi số Tỉnh, Kế hoạch chuyển đổi số của Tỉnh năm 2024 để tổng hợp báo cáo UBND Tỉnh; cung cấp dữ liệu mở đến Quý IV năm 2024 để cập nhật lên cổng dữ liệu mở của Tỉnh phục vụ kịp thời nhu cầu của người dân, doanh nghiệp; đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành các khoá học về chuyển đổi số trên nền tảng học mở trực tuyến MOOCs.

- Các Sở, ban, ngành quán triệt công chức, viên chức tăng cường nâng cao nhận thức về an toàn thông tin, tránh truy cập vào các đường link, mở các tập tin không rõ nguồn gốc để đảm bảo an toàn thông tin cho đơn vị.

- Sở Tài nguyên và Môi trường có thông tin chi tiết về phần mềm chuyên

ngành chưa đáp ứng được các yêu cầu về kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu giữa các ngành.

- Tăng tốc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 04-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh Khóa XI và Đề án chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp.

Trên đây là báo cáo tình hình Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp tháng 11 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Bộ TT&TT;
- Cục CĐS Quốc gia thuộc Bộ TT&TT;
- UBND Tỉnh;
- Các Sở, ngành Tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- GD và các PGD Sở;
- Lưu: VT, CĐS&ATTT, TTCĐS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đoàn Hùng Vũ

Phụ lục I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH ĐỒNG THÁP
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STTTT ngày /11/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông)

STT	Tên chỉ tiêu	KH 5 năm 2021 - 2025	KH năm 2024	Kết quả thực hiện			So với KH năm 2024	So với KH 5 năm	Ghi chú
				Năm 2022	Năm 2023	Tháng 11/2024			
I	CHÍNH QUYỀN SỐ								
1	Thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến mức 4 (nay gọi là dịch vụ công trực tuyến toàn trình)	100%	100%	100%	100%	100%	Đạt	Đạt	841/841 (Số liệu theo QĐ công bố)
2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần	80%	80%	25,94%	74,51%	64,35%	Chưa đạt	Chưa đạt	Số liệu thống kê trên Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC từ tháng 01 đến tháng 11/2024
3	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC	90%	90%	91,94%	95,15%	-	-	Đạt	Mỗi năm khảo sát 01 lần

STT	Tên chỉ tiêu	KH 5 năm 2021 - 2025	KH năm 2024	Kết quả thực hiện			So với KH năm 2024	So với KH 5 năm	Ghi chú
				Năm 2022	Năm 2023	Tháng 11/2024			
4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có chức năng định danh, xác thực một lần, hợp nhất trên tất cả các hệ thống của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương	100%	Duy trì	100,00%	100%	100%	Duy trì	Đạt	
5	Tỷ lệ kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hoá	100%	100%	32,77%	44,41%	61,42%	Chưa đạt	Chưa đạt	Số liệu thống kê trên Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC từ tháng 01 đến tháng 11/2024
6	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở	100%	100%	30,00%	100%	100%	Đạt	Đạt	Các đơn vị cung cấp theo tần suất tháng, quý, năm
7	Tỷ lệ dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia cung cấp của doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước	50%	50%	-	-	-	-	-	Chưa phát sinh DVC mới
8	Văn bản được trao đổi qua môi trường mạng (trừ văn bản mật)	100%	100%	100%	100%	100%	Đạt	Đạt	100%

STT	Tên chỉ tiêu	KH 5 năm 2021 - 2025	KH năm 2024	Kết quả thực hiện			So với KH năm 2024	So với KH 5 năm	Ghi chú
				Năm 2022	Năm 2023	Tháng 11/2024			
9	Tỷ lệ hồ sơ công việc cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng.	90%	100%	100%	100%	100%	Vượt	Vượt	Đánh giá theo năm
10	Tỷ lệ hồ sơ công việc cấp huyện được xử lý trên môi trường mạng.	80%	100%	100%	100%	100%	Vượt	Vượt	Đánh giá theo năm
11	Tỷ lệ hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.	60%	100%	100%	100%	100%	Vượt	Vượt	Đánh giá theo năm
12	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ trực tuyến 24/7	100%	100%	100%	100%	100%	Đạt	Đạt	100%
13	Tỷ lệ công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc	100%	100%	100%	100%	100%	Đạt	Đạt	100%
14	Tỷ lệ hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất	100%	100%	60%	60%	60%	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa tích hợp email công vụ vào hộp trực tuyến

STT	Tên chỉ tiêu	KH 5 năm 2021 - 2025	KH năm 2024	Kết quả thực hiện			So với KH năm 2024	So với KH 5 năm	Ghi chú
				Năm 2022	Năm 2023	Tháng 11/2024			
15	Mỗi ngành thực hiện chuyển đổi số ít nhất 01 lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao	100%	100%	100%	100%	100%	Đạt	Đạt	Đánh giá theo năm
16	Tỉnh có nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động	Có	Có	Có, nhưng chưa ứng dụng AI	Có, nhưng chưa ứng dụng AI	Có, nhưng chưa ứng dụng AI	Đạt	Đạt	
17	Tỷ lệ cơ quan hành chính trên địa bàn Tỉnh tham gia sử dụng hệ thống thông tin báo cáo	100%	100%	100%	100%	100%	Đạt	Đạt	
18	Tỷ lệ hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định	100%	100%	100%	100%	100%	Đạt	Đạt	
19	Tỷ lệ chương trình đào tạo, thi tuyển, thi nâng ngạch quản lý nhà nước ngạch chuyên viên, chuyên	70%	50%	30%	75%	75%	Vượt	Vượt	3/4 môn đã thi trực tuyến (CV, CVC). Tỉnh không tổ chức thi CVCC

STT	Tên chỉ tiêu	KH 5 năm 2021 - 2025	KH năm 2024	Kết quả thực hiện			So với KH năm 2024	So với KH 5 năm	Ghi chú
				Năm 2022	Năm 2023	Tháng 11/2024			
	viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương được thực hiện trực tuyến								
20	Tỷ lệ lãnh đạo, CBCCVV được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản cho yêu cầu công việc	100%	100%	30%	60%	82,42%	Chưa đạt	Chưa đạt	
21	Tỷ lệ hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	50%	50%	20%	30%	50%	Đạt	Đạt	Kiểm tra an toàn thông tin, kết quả giải quyết TTHC, phản ánh kiến nghị qua Tổng đài 1022, Hệ thống thông tin báo cáo Tỉnh, hệ thống quản lý văn bản và điều hành Idesk, hệ thống quản lý tiến độ giải ngân dự án đầu tư công.
22	Tỷ lệ CSDL quốc gia được kết nối, sử dụng	100%	100%	100%	100%	100%	Đạt	Đạt	
23	Tỷ lệ thiết bị trong điều tra, khảo sát, quan trắc, đo đạc đặc	80%	80%	60%	100%	100%	Vượt	Vượt	

STT	Tên chỉ tiêu	KH 5 năm 2021 - 2025	KH năm 2024	Kết quả thực hiện			So với KH năm 2024	So với KH 5 năm	Ghi chú
				Năm 2022	Năm 2023	Tháng 11/2024			
	(trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường) sử dụng công nghệ số								
II	KINH TẾ SỐ								
1	Thu hút ít nhất 10 doanh nghiệp CNTT đặt trụ sở làm việc hoặc văn phòng đại diện trong công viên	10	10	0	0	11	Vượt	Vượt	Đã thu hút 11 doanh nghiệp lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số đặt trụ sở làm việc hoặc văn phòng đại diện trong không gian khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo
2	Tỷ lệ Doanh nghiệp vừa và nhỏ tiến hành hoạt động kinh doanh trên các sàn giao dịch thương mại điện tử	Trên 55%	58%	57,00%	57%	58%	Đạt	Vượt	Số liệu Phòng BCVT
3	Hỗ trợ ít nhất 200 doanh nghiệp vừa và nhỏ trải nghiệm các nền tảng chuyển đổi số	200	70	0	73	231	Đạt	Đạt	Đã hỗ trợ 9 doanh nghiệp, tập huấn 222 doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ năm 2025

STT	Tên chỉ tiêu	KH 5 năm 2021 - 2025	KH năm 2024	Kết quả thực hiện			So với KH năm 2024	So với KH 5 năm	Ghi chú
				Năm 2022	Năm 2023	Tháng 11/2024			
4	Dân số trở lên tham gia mua sắm trực tuyến	Từ 50% trở lên	60%	56,70%	56,70%	60,82%	Vượt	Vượt	Bộ Công thương công bố chung toàn quốc
5	Sản phẩm thuộc Chương trình “ <i>Mỗi xã một sản phẩm</i> ” (OCOP) có mặt trên các sàn thương mại điện tử	100%	100%	70%	100%	100%	Đạt ↑	Đạt ↑	100% (453/453 sản phẩm), theo báo cáo của Sở Công thương
6	Nông dân biết ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) vào quy trình sản xuất, khai thác thông tin cung - cầu thông qua mạng Internet, mua bán trực tuyến	Trên 60%	40%	Dưới 10%	15%	30%	Chưa đạt	Chưa đạt	Ước tính
7	Thanh toán không dùng tiền mặt trong thương mại điện tử	50%	Duy trì	65%	60%	51,55%	Vượt	Vượt	Thống kê theo năm. Bộ Công thương công bố chung toàn quốc
8	Tỷ lệ giao dịch mua hàng trên website/ứng dụng thương mại điện tử có hóa đơn điện tử	70%	Duy trì	70%	90%	100%	Vượt	Vượt	

STT	Tên chỉ tiêu	KH 5 năm 2021 - 2025	KH năm 2024	Kết quả thực hiện			So với KH năm 2024	So với KH 5 năm	Ghi chú
				Năm 2022	Năm 2023	Tháng 11/2024			
9	Tỷ lệ xã và các đơn vị hành chính tương đương trên địa bàn tỉnh có thương nhân thực hiện hoạt động bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trực tuyến	50%	50%	100%	100%	100%	Vượt	Vượt	
10	Tỷ lệ đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước, viễn thông, truyền hình trả tiền triển khai thu cước, phí theo hình thức không dùng tiền mặt.	100%	100%	100%	100%	100%	Đạt	Đạt	
11	Tỷ lệ dịch vụ vận tải triển khai hình thức thu phí không dùng tiền mặt.	Trên 50%	Trên 50%	20%	20%	-	-	-	Sở GTVT đề nghị đưa chỉ tiêu này sang năm 2025
12	Kinh tế số chiếm 5% GRDP	5%	6,50%	4,57%	4,96%	6,42%	Vượt	Vượt	
13	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực	10%	10%	-	-	-	-	-	Tổng Cục Thống kê chưa hướng dẫn phương pháp thống kê

STT	Tên chỉ tiêu	KH 5 năm 2021 - 2025	KH năm 2024	Kết quả thực hiện			So với KH năm 2024	So với KH 5 năm	Ghi chú
				Năm 2022	Năm 2023	Tháng 11/2024			
14	Tăng năng suất lao động hằng năm	7%	7%	13,77%	9,56%	-	-	Vượt	Số liệu thống kê hàng năm
III	XÃ HỘI SỐ								
1	Hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cố định	Trên 80%	Trên 80%	79,50%	83,66%	83,66%	Vượt	Vượt	
2	Số lượng người dân trưởng thành có điện thoại thông minh	100%	80%	75,30%	86,92%	97,5%	Vượt	Chưa đạt	Bộ TT&TT điều chỉnh tên chỉ tiêu “Thuê bao di động sử dụng điện thoại thông minh” thành “Số lượng người dân trưởng thành có điện thoại thông minh” (Bộ TT&TT chưa công bố số liệu mới)
3	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác	80%	80%	Trên 70%	106,8%	101,5%	Vượt	Vượt	
4	Dân số có kiến thức số, kỹ năng số cơ bản	70%	70%	53,50%	54,71%	78,54%	Đạt	Đạt	Cập nhật thêm số liệu tổ CNSCĐ triển khai
5	Đào tạo nhân lực chuyên ngành công nghệ thông tin - truyền	600	600	650	54	-	-	Vượt	Chưa có số liệu mới

STT	Tên chỉ tiêu	KH 5 năm 2021 - 2025	KH năm 2024	Kết quả thực hiện			So với KH năm 2024	So với KH 5 năm	Ghi chú
				Năm 2022	Năm 2023	Tháng 11/2024			
	thông có trình độ từ Trung cấp trở lên hàng năm								
6	Dân số có danh tính số	100%	100%	100%	100%	100%	Đạt	Đạt	
7	Các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác triển khai hoạt động quản lý, giảng dạy và học tập trên môi trường số	70%	70%	Trên 80%	Trên 80%	100%	Đạt	Đạt	- Từ năm học 2023-2024 Sở GDĐT đã triển khai văn bản 100% các cơ sở giáo dục phổ thông giáo dục thường xuyên duy trì hệ thống dạy học trực tuyến, khai thác tính năng ưu việt của hệ thống LMS. - Trong năm học 2023-2024 Sở GDĐT đã tổ chức cho tất cả học sinh lớp 12 tham gia thi thử tốt nghiệp THPT trên nền tảng thi trực tuyến Azota và các hệ thống Microsoft Form, Google Form...
8	Dân số có hồ sơ sức khoẻ điện tử	90%	87%	80%	82%	87%	Đạt	Chưa đạt	Theo báo cáo tháng 11 của sở Y Tế
9	Các cơ sở khám chữa bệnh triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa	100%	90%	8,50%	8,50%	100%	Đạt	Đạt	165/165 (chiếm tỷ lệ 100%)

* So với chỉ tiêu đề ra trong Đề án chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp: Vượt 16/46 chỉ tiêu; Đạt: 20/46 ↑ chỉ tiêu; Chưa đạt: 7/46 chỉ tiêu; 03 chỉ tiêu chưa có cơ sở đánh giá.

* So với chỉ tiêu đề ra trong Kế hoạch chuyển đổi số năm 2024: Vượt 14/46 chỉ tiêu; Đạt 20/46 ↑ chỉ tiêu; Duy trì 01/46; Chưa đạt: 5/46 chỉ tiêu; 06 chỉ tiêu chưa có cơ sở đánh giá.

Phụ lục II
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH NÔNG NGHIỆP
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STTTT ngày /11/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông)

STT	Tên chỉ tiêu	Kế hoạch 05 năm 2021 – 2025	Kết quả thực hiện đến tháng 11	So với Kế hoạch 05 năm	Ghi chú
1	100% thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện đủ điều kiện được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến mức 4.	100% thủ tục đủ điều kiện	100%	Đạt	49 TTHC. Sở đã rà soát và cung cấp các TTHC điều kiện được cung cấp dưới dịch vụ công trực tuyến toàn trình theo Kế hoạch số 247/KH-UBND ngày 14/7/2023
2	100% văn bản được trao đổi qua môi trường mạng dưới dạng văn bản điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.	100% văn bản	100%	Đạt	Tổng số văn bản đi 549; Văn bản ký số 549/549 đạt 100%
3	100% cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực ngành nông nghiệp quản lý (từ tuyến tỉnh, huyện, xã) được số hóa và cung cấp dữ liệu mở phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.	100%	100%	Đạt	Số hoá tại VDAPES

STT	Tên chỉ tiêu	Kế hoạch 05 năm 2021 – 2025	Kết quả thực hiện đến tháng 11	So với Kế hoạch 05 năm	Ghi chú
4	100% lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản cho yêu cầu công việc.	100%	95%	Chưa đạt	Hiện tại Sở đăng ký 350/350 (tỷ lệ 100%) CC, VC tham dự lớp bồi dưỡng tập huấn về chuyển đổi số MOOCs. Đến thời điểm hiện tại đạt khoảng 95% số lượng hoàn thành. Dự kiến trong tháng 11/2024 sẽ hoàn thành 5% còn lại.
5	Hoàn thành cơ sở dữ liệu về sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn theo các cấp quản lý (tỉnh, huyện, xã).	Thực hiện liên tục	Thực hiện liên tục tại VDA PES	Đạt	
6	Phát triển hệ sinh thái nông nghiệp số tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu số ngành nông nghiệp đồng bộ từ cấp tỉnh, huyện, xã.	Thực hiện liên tục	Thực hiện liên tục tại VDA PES	Đạt	
7	Xây dựng 07 làng thông minh, 07 hội quán ứng dụng IoT vào sản xuất.	07 làng thông minh; 07 hội quán ứng dụng IoT vào sản xuất	Xây dựng thí điểm 02 làng thông minh (xã Tân Thuận Tây, xã Mỹ Đông)	Chưa đạt	Nguyên nhân chưa đạt: Quyết định số 384/QĐ-UBND-HC ngày 03/4/2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Ban hành Khung cấu trúc mô hình và Bộ tiêu chí Làng thông minh áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025); Tuy nhiên, qua triển khai thực hiện các xã đăng ký đạt chuẩn NTM kiểu mẫu phải có có sản phẩm đạt OCOP 4 sao, do đó đến nay các địa phương đang tiếp tục

STT	Tên chỉ tiêu	Kế hoạch 05 năm 2021 – 2025	Kết quả thực hiện đến tháng 11	So với Kế hoạch 05 năm	Ghi chú
					chuẩn hóa, nâng cấp các sản phẩm OCOP để đạt theo tiêu chí Làng thông minh
8	Có 15% đến 20% hội quán, hợp tác xã có ứng dụng công nghệ để truy xuất nguồn gốc, có hoạt động thương mại điện tử	có 15% đến 20% hội quán, hợp tác xã có ứng dụng công nghệ	04 hội quán ứng dụng IoT vào sản xuất; có 7,28% hội quán (11/151 hội quán) ứng dụng công nghệ tưới tự động 4.0	Chưa đạt	Nguyên nhân chưa đạt: Kinh phí áp dụng IoT vào sản xuất nông nghiệp còn cao nên nhiều hội quán chưa chủ động áp dụng công nghệ IoT hoặc chờ ngân sách nhà nước hỗ trợ.
9	Xây dựng mô hình ứng dụng đồng bộ công nghệ số và thiết bị giám sát IoT, viễn thám giúp thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu lớn của ngành (hệ thống cơ sở dữ liệu lớn về thổ nhưỡng; về đặc tính thích nghi của cây trồng, vật nuôi, thủy sản; về thông tin thị trường, ...) thông qua nền tảng hệ sinh thái nông nghiệp số.	Phát triển mô hình thông qua nền tảng hệ sinh thái nông nghiệp số.	Bước đầu ứng dụng thiết bị giám sát IoT, viễn thám giúp thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu lớn	Chưa đạt	Đã có kết quả thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn thiết kế sau thiết kế cơ sở đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khung kiến trúc.
10	100% sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm” (OCOP) có mặt trên các sàn thương mại điện tử.	100%	100%	Đạt ↑	453/453 sản phẩm (Theo báo cáo của Sở Công thương)

STT	Tên chỉ tiêu	Kế hoạch 05 năm 2021 – 2025	Kết quả thực hiện đến tháng 11	So với Kế hoạch 05 năm	Ghi chú
11	Tư vấn hỗ trợ trên 55% doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn kinh doanh trên các sàn giao dịch thương mại điện tử.	$\geq 55\%$	58%	Đạt	
12	Hỗ trợ, tư vấn cho trên 60% nông dân biết ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT) vào quy trình sản xuất, khai thác thông tin cung - cầu thông qua mạng Internet, cách thức quảng bá trực tuyến, mua bán trực tuyến.	$\geq 60\%$	60%	Đạt ↑	Theo báo cáo 4586/BC-SNN ngày 15/11/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

* Đạt 08/12 ↑ chỉ tiêu; Chưa đạt: 04/12 chỉ tiêu.

Phụ lục III
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH Y TẾ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STTTT ngày /11/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông)

STT	Tên chỉ tiêu	Kế hoạch 05 năm 2021 - 2025	Kết quả thực hiện đến tháng 11	So với Kế hoạch 05 năm	Ghi chú
1	Thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	80%	100%	Đạt	47/47 TTHC đạt tỷ lệ 100% TTHC đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình
2	Dân số có hồ sơ sức khoẻ điện tử	90%	87%	Chưa đạt	Dự kiến đến năm 2025: Đạt
3	Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa	100%	100%	Đạt ↑	165/165 (chiếm tỷ lệ 100%)
4	Các đơn vị sự nghiệp, cơ sở khám, chữa bệnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giao tiếp với người dân và áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt hoặc thanh toán bằng thiết bị di động	100%	100%	Đạt	Ứng dụng CNTT: 100%; Thanh toán không dùng tiền mặt: 165/165 (chiếm tỷ lệ 100%). Đã ban hành Kế hoạch số 80/KH-SYT ngày 13/5/2024.
5	Các bệnh viện tuyến tỉnh triển khai thực hiện việc thay phim bằng việc luân chuyển các ảnh chụp qua môi trường mạng để bảo đảm thông tin được chuyển tải đầy đủ và tiết kiệm chi phí in ấn	100%	0%	Chưa đạt	Dự kiến đến năm 2025: Đạt 80%
6	Các trạm y tế xã được triển khai phần mềm quản lý trạm y tế xã với đầy đủ các chức năng theo quy định của Bộ Y tế	100%	100%	Đạt	
7	Triển khai mô hình Bệnh viện thông minh tại Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp và Đa khoa Sa Đéc	100%	0%	Chưa đạt	Đang hoàn chỉnh theo góp ý của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Dự kiến đến năm 2025: Đạt

STT	Tên chỉ tiêu	Kế hoạch 05 năm 2021 - 2025	Kết quả thực hiện đến tháng 11	So với Kế hoạch 05 năm	Ghi chú
8	Các bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế huyện, thành phố triển khai ứng dụng Bệnh án điện tử	100%	0%	Chưa đạt	Đang hoàn chỉnh theo góp ý của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Dự kiến đến năm 2025: Đạt
9	Hệ thống điều hành y tế thông minh có thể kết nối dữ liệu đến 100% các cơ sở khám, chữa bệnh trên toàn tỉnh; có khả năng thiết lập Hội chẩn từ xa tới 100% các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn	100%	100%	Đạt	

* Đạt: 5/9 chỉ tiêu. Chưa đạt 4/9 chỉ tiêu.

Phụ lục IV
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH GIÁO DỤC
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STTTT ngày /11/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông)

STT	Tên chỉ tiêu	KH 5 năm 2021 - 2025	Kết quả đạt được đến tháng 11/2024	Ghi chú
1	Tỷ lệ học sinh, học viên và mỗi giáo viên có đủ điều kiện (phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy học trực tuyến	50%	- Tổng số 597/597 (đạt 100%) cơ sở giáo dục có đường truyền Internet tốc độ cao phục vụ giảng dạy; - Số học sinh phổ thông có phương tiện điều kiện tham gia học trực tuyến 210.168/281.642 (đạt 74,62%); - Số giáo viên có đủ điều kiện tham gia dạy học trực tuyến 14000/18741 (đạt 74,7%)	Đạt
2	Tỷ lệ trường THPT, THCS triển khai các khoá đào tạo kiến thức số, kỹ năng số với 30% học sinh phổ thông tham gia.	50%	416/416 trường phổ thông có giảng dạy môn tin học đạt 100%, số học sinh học tin học 171.000/281.642 đạt 61%	Đạt
3	Hình thành kho học liệu dạy học trực tuyến cấp tỉnh đáp ứng nhu cầu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông	50%	Đã xây dựng kho học liệu số dùng chung cho toàn ngành lưu trữ trên hệ thống lưu trữ đám mây (Google Drive) của Sở GDĐT tại địa chỉ: https://bit.ly/hoclieusosogd ngoài ra ngành giáo dục còn sử dụng chung kho học liệu số của Bộ GDĐT tại địa chỉ: https://igiaoduc.vn , trong năm học 2023-2024 các cơ sở giáo dục phổ thông sử dụng học liệu số thông minh của Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam (hoclieu.vn)	Đề nghị Sở GD&ĐT nêu rõ đã đáp ứng nhu cầu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông chưa?
4	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên thực hiện giảng dạy và học tập trên môi trường số	60%	- Từ năm học 2023-2024 Sở GDĐT đã triển khai văn bản 100% các cơ sở giáo dục phổ thông giáo dục thường xuyên duy trì hệ thống dạy học trực	Đạt

STT	Tên chỉ tiêu	KH 5 năm 2021 - 2025	Kết quả đạt được đến tháng 11/2024	Ghi chú
			tuyển, khai thác tính năng ưu việt của hệ thống LMS. - Trong năm học 2023-2024 Sở GDĐT đã tổ chức cho tất cả học sinh lớp 12 tham gia thi thử tốt nghiệp THPT trên nền tảng thi trực tuyến Azota và các hệ thống Microsoft Form, Google Form...	
5	Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến	5% ở bậc tiểu học, 10% ở bậc trung học	Sở GDĐT ban hành hướng dẫn nhiệm vụ công nghệ thông tin chuyển đổi số đảm bảo mức độ chuyển đổi số của đơn vị, về xây dựng chương trình môn học đảm bảo đạt tỉ trọng bình quân 5% đối với cấp tiểu học và 10% bậc trung học. Kết quả từ 9/2023 đến 9/2024: có 75.880 học sinh tham gia học trực tuyến (Tiểu học: 24.734, THCS: 31.773, THPT: 19.373)	Đạt
6	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông có triển khai đào tạo áp dụng mô hình giáo dục STEM/STEAM với 30% học sinh tham gia, ưu tiên các địa bàn xây dựng nông thôn mới.	40%	- Đã triển khai các văn bản chỉ đạo dạy học mô hình giáo dục STEM đến 100% cơ sở giáo dục phổ thông từ tiểu học đến trung học phổ thông (gắn liền với chương trình giáo dục phổ thông, Sở GDĐT đã tập huấn cho tất cả cán bộ quản lý và giáo viên các trường phổ thông, từ tháng 9/2023 đến 9/2024 toàn tỉnh đã thực hiện được 33.541 tiết học theo mô hình STEM với 216.445 học sinh tham gia (đạt trên 50% học sinh tham gia). Đã có 4.321 hoạt động trải nghiệm STEM và 1.303 dự án nghiên cứu khoa học kỹ thuật từ cấp trường trở lên của học sinh - Về cơ sở vật chất hiện đã có 04 phòng STEM Lab: 01 tại THPT Đỗ Công Tường ¹³ và 03 phòng STEM lab tại 03 cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố	Đạt (Có triển khai STEM đến tất cả các trường nhưng việc ứng dụng công nghệ số trong STEM còn hạn chế. Đề nghị sớm triển khai dự án trang thiết bị phục vụ dạy học STEM)

¹³ Kế thừa từ đề tài nghiên cứu của Viện nghiên cứu thiết kế trường học Bộ GDĐT

STT	Tên chỉ tiêu	KH 5 năm 2021 - 2025	Kết quả đạt được đến tháng 11/2024	Ghi chú
			Hồng Ngự trang (do UBND thành phố Hồng Ngự trang bị) - Tổ chức hội thi nghiên cứu KHKT ngày hội STEM - Đã đề xuất chủ trương mua sắm phòng học 36 phòng STEM dự kiến trang bị trong năm 2025.	
7	Tỷ lệ cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.	70%	100% các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông đã hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở cơ bản đạt yêu cầu chương trình GDPT 2018 (Kho học liệu số mở hiện đang sử dụng: taphuan.nxbgd.vn, hoc10.vn, hoclieu.vn)	Đạt. (Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu. Tuy nhiên các hệ thống quản lý còn rời rạc, chưa phục vụ tốt cho công tác quản trị điều hành. Cần sớm xây dựng hệ thống thông tin ngành giáo dục)
8	Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành giáo dục kết nối liên thông dữ liệu dùng chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Hoàn thành 2023	Hiện đã triển khai phần mềm CSDL ngành do Bộ GDĐT xây dựng đạt 100% các cơ sở GD trên toàn tỉnh, đảm bảo liên thông dữ liệu từ các cơ sở GD đến Bộ GDĐT, Bộ GDĐT đã kết nối, chia sẻ với dữ liệu quốc gia	Đạt
9	Tỷ lệ văn bản được trao đổi qua môi trường mạng dưới dạng văn bản điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật.	100%	97,4%	Chưa đạt Tổng số văn bản đi 35.782; Văn bản ký số 34.857/35.782 chiếm 97,4%

STT	Tên chỉ tiêu	KH 5 năm 2021 - 2025	Kết quả đạt được đến tháng 11/2024	Ghi chú
10	Hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất	80%	Công tác quản lý điều hành đã được triển khai trên môi trường số đã liên thông 02 chiều từ Sở GDĐT đến 12 phòng GDĐT và các cơ sở giáo dục trực thuộc qua hệ thống iDesk (Các phòng GDĐT liên thông đến các trường TH, THCS, Mầm non cũng qua iDesk).	Chưa đạt. (vì tỉnh chưa hoàn thiện nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất)
11	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình	100%	Số lượng thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán): 52, đạt tỉ lệ: 100 %	Đạt
12	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ	50%	Số lượng hồ sơ giải quyết DVC trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 (DVC trực tuyến một phần và toàn trình): đạt tỉ lệ: 64,43% (480/745)	Đạt
13	Tỷ lệ người học, cha mẹ học sinh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục	80%	Chưa khảo sát	Chưa đủ điều kiện đánh giá
14	Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục	90%	Tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục, đạt tỉ lệ: 99,95% (Sở GD&ĐT ước tính)	Đạt. Đề nghị bổ sung số chính xác

* Đạt: 11/14 chỉ tiêu; Chưa đạt: 02/14 chỉ tiêu; 01 chỉ tiêu chưa đủ điều kiện đánh giá.

Phụ lục V

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024
CỦA ỦY BAN QUỐC GIA VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 58/QĐ-UBNQGČĐS NGÀY 19/4/2024**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STTTT ngày /11/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông)

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH; KIỂM TRA, GIÁM SÁT					
1	Tổ chức các phiên họp của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số	Các phiên họp, hội nghị được tổ chức	Hàng tháng	Bộ Thông tin và Truyền thông	Văn phòng Chính phủ	Chưa có lịch họp tháng 11
2	Thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình chuyển đổi số					
2.1	Xây dựng Kế hoạch kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại bộ, ngành, địa phương	Kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong phạm vi ngành, lĩnh vực của bộ, ngành, địa phương được ban hành. Yêu cầu có thời gian, nội dung, địa điểm kiểm tra, giám sát cụ thể	Trước ngày 30 tháng 4	Các bộ, ngành, địa phương	-	Đang thực hiện kiểm tra tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số tại một số đơn vị, địa phương theo Kế hoạch số 338/KH-UBND 14/10/2024 của UBND Tỉnh.
2.2	Tổ chức thực hiện kiểm tra, giám sát theo Kế hoạch đã được ban hành	Các đoàn kiểm tra, giám sát được tổ chức thực hiện	(Theo Kế hoạch được duyệt)	Các bộ, ngành, địa phương	-	Đã Tổ chức Kiểm tra tình hình đảm bảo an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp năm 2024 (theo Kế hoạch số 20/KH-STTTT - 26/02/2024)

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
3	Xây dựng cơ chế, công cụ đo lường, giám sát việc triển khai Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số	Công cụ quản lý, đo lường các nhiệm vụ	Tháng 12	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông
II CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ						
1	Lập đề nghị xây dựng Luật Công nghiệp công nghệ số	Trình Chính phủ xem xét, thông qua	Tháng 6	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông
2	Xây dựng và trình ban hành Chiến lược phát triển công nghiệp vi mạch bán dẫn đến năm 2030 và tầm nhìn 2035	Chiến lược được ban hành	Tháng 11	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông
3	Đề án hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất công nghiệp ứng dụng công nghệ 4.0 và chuyển đổi số để phát triển sản xuất thông minh giai đoạn đến năm 2030	Đề án được ban hành	Tháng 12	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông
4	Xây dựng Nghị định sửa đổi Nghị định số 154/2013/NĐ-CP về khu công nghệ thông tin tập trung	Nghị định được ban hành	Tháng 12	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông
5	Thúc đẩy, kết nối, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ số tham gia vào	60% doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, khu chế xuất ứng dụng	Tháng 12	Các địa phương có khu công	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
	quá trình chuyển đổi số tại khu công nghiệp, khu chế xuất. Ưu tiên sử dụng giải pháp công nghệ số do các doanh nghiệp Việt Nam phát triển	các nền tảng số trong quản trị, sản xuất để thay đổi quy trình sản xuất, kinh doanh, tăng năng suất, hiệu quả hoạt động, giảm phát thải		ngành, khu chế xuất	Kế hoạch và Đầu tư, các doanh nghiệp công nghệ số	
6	Thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số tại địa phương	48000 doanh nghiệp công nghệ số hoạt động	Tháng 12	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông
7	Thúc đẩy, kết nối các doanh nghiệp công nghệ số tham gia vào quá trình chuyển đổi số các ngành/lĩnh vực	- Hội nghị, hội thảo, diễn đàn kết nối giữa doanh nghiệp công nghệ số và các tổ chức, doanh nghiệp thuộc các ngành/lĩnh vực khác. - Khuyến khích, kết nối, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp số Việt Nam tham gia vào chuyển đổi số các ngành/ lĩnh vực một cách thiết thực, hiệu quả	Thường xuyên	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Chưa thực hiện.
III	SỐ HÓA CÁC NGÀNH KINH TẾ					
A	Thể chế, chính sách					

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
1	Xây dựng Nghị định quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy	Hoàn thiện dự thảo, trình Chính phủ ban hành	Tháng 5	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Đã thực hiện góp ý dự thảo Nghị định quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy (412/STTTT-CDS&ATTT - 05/04/2024).
2	Hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng	Nghị định được ban hành	Bảo đảm đáp ứng tiến độ khi Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực thi hành	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn.
3	Hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định về thanh toán không dùng tiền mặt	Nghị định được ban hành	Bảo đảm đáp ứng tiến độ khi Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực thi hành	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi văn bản có hiệu lực.
4	Hoàn thiện và ban hành phương pháp, tiêu chí đo lường chỉ tiêu thống kê về tỷ trọng giá trị gia tăng của kinh tế số trong GDP và	Văn bản hướng dẫn	Tháng 6	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn.

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
	trong các ngành, lĩnh vực tại Việt Nam					
5	Xây dựng Kế hoạch, lộ trình sử dụng biên lai phí, lệ phí điện tử đối với tất cả các ngành, lĩnh vực	Kế hoạch, lộ trình được Bộ Tài chính ban hành	Tháng 8	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn.
6	Triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền chống thất thu thuế, thất thu ngân sách	- 100% cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên toàn quốc; - 80% trung tâm thương mại trên toàn quốc; - 50% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng	Tháng 11	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn.
7	Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế số - xã hội số giai đoạn 2024 - 2025	Kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ ban hành	Tháng 8	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	- Năm 2022, đã ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (241/KH-UBND - 06/07/2022). - Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn.
8	Xây dựng Đề án phát triển kinh tế số vùng Tây Nguyên	Hồ sơ Đề án trình Thủ tướng Chính phủ	Tháng 9	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành; các tỉnh khu vực Tây Nguyên	Đồng Tháp không thuộc đối tượng thực hiện nhiệm vụ này.

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
B	Thúc đẩy số hóa ngành, lĩnh vực					
1	Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					
1.1	Tổ chức Phiên họp, Hội nghị thúc đẩy số hóa ngành Nông nghiệp	- Báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách về kế hoạch, nội dung - Tổ chức Phiên họp, Hội nghị do Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách chủ trì	Quý I Quý I	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bộ Thông tin và Truyền thông	Điểm cầu tỉnh Đồng Tháp, tham dự có: - Đồng chí: Nguyễn Phước Thiện – Phó Chủ tịch UBND Tỉnh. - SNNPTNT, STTTT, SKHĐT, STC, STNMT, SCT, SKHCN, Cục thống kê, Liên minh hợp tác xã Tỉnh, Hội nông dân Tỉnh
1.2	Báo cáo, đề xuất Kế hoạch số hóa Ngành	Kế hoạch được duyệt (có chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình triển khai cụ thể)	Quý II	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
1.3	Tổ chức triển khai thực hiện số hóa ngành theo Kế hoạch được duyệt	Hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch được duyệt	(Theo Kế hoạch được duyệt)			
2	Ngành Công Thương					
2.1	Tổ chức Phiên họp, Hội nghị thúc đẩy số hóa ngành lĩnh vực: điện, năng lượng; công nghiệp chế biến, chế tạo.	- Báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách về kế hoạch, nội dung - Tổ chức các Phiên họp, Hội nghị do Phó Thủ	Quý II Quý III	Bộ Công Thương	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Sở Công thương).

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
		tướng Chính phủ phụ trách chủ trì				
2.2	Báo cáo, đề xuất Kế hoạch số hóa lĩnh vực: điện, năng lượng; công nghiệp chế biến, chế tạo	Kế hoạch được duyệt (có chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình triển khai cụ thể)	Quý III	Bộ Công Thương	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Sở Công thương).
2.3	Tổ chức triển khai thực hiện số hóa ngành theo Kế hoạch được duyệt	Hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch được duyệt	Theo Kế hoạch được duyệt)			
3	Ngành Xây dựng					
3.1	Tổ chức Phiên họp, Hội nghị thúc đẩy số hóa ngành Xây dựng	- Báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách về kế hoạch, nội dung	Tháng 4	Bộ Xây dựng	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Sở Xây dựng).
		- Tổ chức Phiên họp, Hội nghị do Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách chủ trì	Quý II			
3.2	Báo cáo, đề xuất Kế hoạch số hóa Ngành	Kế hoạch được duyệt (có chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình triển khai cụ thể)	Quý II	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Sở Xây dựng).
3.3	Tổ chức triển khai thực hiện số hóa ngành theo Kế hoạch được duyệt	Hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch được duyệt	(Theo Kế hoạch			

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
			được duyệt)			
4	Quản lý các khu kinh tế (khu công nghiệp, khu chế xuất)					
4.1	Tổ chức Phiên họp, Hội nghị ứng dụng công nghệ và quản trị số phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất	- Báo cáo Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách về kế hoạch, nội dung	Tháng 4	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Sở Kế hoạch và Đầu tư).
		- Tổ chức Phiên họp, Hội nghị do Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách chủ trì	Quý II			
4.2	Báo cáo, đề xuất Kế hoạch ứng dụng công nghệ và quản trị số phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất	Kế hoạch được duyệt (có chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình triển khai cụ thể)	Quý II	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Sở Kế hoạch và Đầu tư).
4.3	Tổ chức triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ và quản trị số phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất theo Kế hoạch được duyệt	Hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch được duyệt	(Theo Kế hoạch được duyệt)			
5	Các ngành, lĩnh vực khác					
	Tổ chức Hội nghị về chuyển đổi số để thúc đẩy số hóa ngành, lĩnh vực, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp và hỗ trợ,	Hội nghị được Tổ chức và có nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số, số hóa các lĩnh vực cụ thể	Quý III	Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế; Bộ Giao thông vận tải; Bộ	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản triển khai.

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
	thúc đẩy doanh nghiệp công nghệ số tham gia chuyển đổi số ngành, lĩnh vực. Yêu cầu lựa chọn các lĩnh vực ưu tiên gắn liền với thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, lĩnh vực như: Đại học số; chăm sóc sức khỏe nhân dân; giao thông thông minh; tư pháp; quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; lao động - thương binh và xã hội; chuyển đổi xanh trong quản lý tài nguyên môi trường, ...	để triển khai, đạt kết quả.		Tư pháp; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Tài nguyên và Môi trường, ...		
IV	QUẢN TRỊ SỐ					
A	Thể chế, chính sách					
1	Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước	Nghị định được ban hành	Tháng 7	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Công an Tỉnh).
2	Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng	Hoàn thiện dự thảo, trình Chính phủ ban hành	Tháng 7	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Đã thực hiện đóng góp ý kiến đối với dự thảo (319/STTTT-CĐ&ATTT - 21/03/2024). Hiện tại Chính Phủ đã ban hành NĐ 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024.

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
	nguồn vốn ngân sách nhà nước					
3	Xây dựng, hoàn thiện Luật Lưu trữ sửa đổi	Luật Lưu trữ (sửa đổi) được ban hành	Tháng 6	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Sở Nội vụ).
4	Xây dựng, hoàn thiện báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật, bổ sung phương án xử lý đối với việc thực thi các Nghị quyết đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư theo phạm vi quản lý của từng bộ, ngành	Báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ	Trước ngày 15 tháng 4	Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật	Các bộ, ngành, địa phương	Đang rà soát (Văn phòng UBND Tỉnh; Sở Tư pháp)
B	Nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến					
1	Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cải cách thủ tục hành chính, cải cách chế độ báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước	Văn bản hướng dẫn	Thường xuyên	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương	Đang rà soát (Văn phòng UBND Tỉnh; Sở Nội vụ).
2	Hoàn thành triển khai các dịch vụ công thiết yếu (bao gồm 25 dịch vụ theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày	Hoàn thành triển khai 53 dịch vụ công thiết yếu	Tháng 8	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Công an; Văn phòng Chính phủ	Đã ban hành Kế hoạch Triển khai thực hiện 53 dịch vụ công thiết yếu trên địa bàn Tỉnh (11/KH-UBND - 10/01/2024)

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
	06/01/2022 và 28 dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ)					
3	Phát triển, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia	Hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia, tuân thủ nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm	Thường xuyên	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn.
4	Cung cấp, tích hợp 28 nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ	Các nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp	Theo lộ trình tại Quyết định số 206/QĐ - TTg	Các bộ, ngành, địa phương	Văn phòng Chính phủ	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn.
5	Xây dựng Đề án "Đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2024 - 2025 và định hướng đến năm 2030"	Trình Chính phủ ban hành	Tháng 6	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn.
6	Tổ chức thực hiện Đề án "Đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2024 -	Hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp Đề án năm 2024	Tháng 12	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn.

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
	2025 và định hướng đến năm 2030" sau khi được phê duyệt					
7	Triển khai các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm kỹ thuật, kết nối với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ (Hệ thống EMC)	100% Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương kết nối với EMC	Tháng 10	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông	Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Đồng Tháp đã hoàn thành kết nối với hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ (Hệ thống EMC).
C	Nghiên cứu, phát triển, hoàn thiện, sử dụng các nền tảng hỗ trợ quản trị					
1	Hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo của các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương	100% hệ thống báo cáo các bộ, ngành, địa phương kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Tháng 10	Các bộ, ngành, địa phương	Văn phòng Chính phủ	Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Đồng Tháp đã kết nối liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.
2	Phát triển, hoàn thiện Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, ngành, địa phương thực hiện	Hoàn thiện, cung cấp dịch vụ khai thác, sử dụng cho các bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Văn phòng UBND Tỉnh).

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
3	Thúc đẩy khai thác, sử dụng hiệu quả, rộng rãi ứng dụng công dân số VNeID	Mở rộng cung cấp ít nhất 10 dịch vụ tiện ích trên ứng dụng VNeID	Tháng 11	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Công an Tỉnh).
4	Thúc đẩy phát triển, ứng dụng nền tảng trí tuệ nhân tạo, trợ lý ảo hỗ trợ cán bộ, công chức trong xây dựng văn bản pháp luật, thực thi công vụ; hỗ trợ người dân về các vấn đề pháp lý và các trợ lý ảo khác	Hướng dẫn kỹ thuật và triển khai thử nghiệm Trợ lý ảo: - Trợ lý ảo phục vụ cán bộ, công chức. - Trợ lý ảo hỗ trợ rà soát văn bản quy phạm pháp luật. - Trợ lý ảo phục vụ người dân. - Trợ lý ảo khác.	Tháng 11	Bộ Thông tin và Truyền thông	- Các doanh nghiệp công nghệ số; - Các bộ, ngành, địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông đã có văn bản 1038/STTTT-CĐS&ATTT - 23/07/2024 Về việc hướng dẫn yêu cầu cơ bản và phương pháp đánh giá Mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt và Trợ lý ảo Việt Nam (Phiên bản 1.0)
5	Thí điểm cho phép chấm điểm khả tín khách hàng vay dựa trên đa nguồn dữ liệu, sau khi được sự đồng ý của người dân cho phép khai thác.	Triển khai thí điểm tại một số tổ chức tín dụng, ngân hàng	Tháng 9	Bộ Công an	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Tài chính; Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Công an Tỉnh).
6	Nghiên cứu giải pháp định danh tàu thuyền trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh và xác thực điện tử	- Báo cáo Thủ tướng giải pháp thực hiện. - Triển khai thí điểm	Tháng 7 (Báo cáo Thủ tướng giải pháp trước 30/4)	Bộ Công an	Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và phát triển	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Công an Tỉnh).

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
					nông thôn, Bộ Tài chính	
V	DỮ LIỆU SỐ					
1	Lập đề nghị xây dựng Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân	Trình Chính phủ xem xét, thông qua	Tháng 3	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Công an Tỉnh).
2	Lập đề nghị xây dựng Luật Dữ liệu	Trình Chính phủ xem xét, thông qua	Tháng 5	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Công an Tỉnh).
3	Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về Chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia	Quyết định được cấp có thẩm quyền ban hành	Tháng 9	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Công an Tỉnh).
4	Nghiên cứu, đề xuất mô hình nghiệp vụ triển khai tại Trung tâm dữ liệu quốc gia (gồm nghiệp vụ dữ liệu đầu vào, nghiệp vụ dịch vụ đầu ra, nghiệp vụ lõi), bảo đảm trước mắt phục vụ hiệu quả việc giải quyết thủ tục hành chính và việc phân tích các chỉ tiêu kinh tế xã hội quốc gia, chỉ tiêu thống kê các bộ, ngành	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được ban hành	Tháng 9	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Công an Tỉnh).

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
5	Xây dựng, ban hành quy định về quy chuẩn, tiêu chuẩn của Trung tâm dữ liệu (Trung tâm dữ liệu quốc gia, Trung tâm dữ liệu vùng, Trung tâm dữ liệu ngành) để phục vụ vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia.	Quy chuẩn, tiêu chuẩn về Trung tâm dữ liệu được ban hành	Tháng 12	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an, các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Công an Tỉnh).
6	Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi với Trung tâm dữ liệu quốc gia	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an được ban hành	Tháng 9	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Công an Tỉnh).
VI	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ					
A	Thể chế, chính sách					
1	Xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông (sửa đổi)	Hoàn thiện dự thảo, trình Chính phủ ban hành	Trước ngày 15 tháng 4	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Đã đóng góp ý kiến đối với dự thảo Nghị định (270/STTTT-BCVT - 15/03/2024)
2	Nghị định quy định chi tiết Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet; việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn	Hoàn thiện dự thảo, trình Chính phủ ban hành	Trước ngày 15 tháng 4	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Đã đóng góp ý kiến đối với dự thảo Nghị định (297/STTTT-BCVT - 18/03/2024)

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
	thông, tên miền quốc gia Việt Nam					
3	Nghị định quy định chi tiết Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích	Hoàn thiện dự thảo, trình Chính phủ ban hành	Trước ngày 15 tháng 4	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Đã đóng góp ý kiến đối với dự thảo Nghị định (170/STTTT-BCVT - 22/02/2024)
4	Xây dựng Nghị định quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ	Nghị định được ban hành	Tháng 4	Bộ Quốc phòng	Các bộ, ngành, địa phương	Đã đóng góp ý kiến đối với dự thảo Nghị định (1712/STTTT-CDS&ATTT - 14/12/2023)
5	Xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử	Nghị định được ban hành	Trước ngày 01 tháng 5	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Đã đóng góp ý kiến đối với dự thảo Nghị định (218/STTTT-CDS&ATTT - 05/03/2024)
B	Hạ tầng số					
1	Phát triển Trục liên thông văn bản quốc gia	Hoàn thiện Trục liên thông văn bản quốc gia, kết nối liên thông 04 cấp các cơ quan trong hệ thống hành chính; mở rộng kết nối với các cơ quan trong hệ thống chính trị	Thường xuyên	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn.
2	Thương mại hóa dịch vụ viễn thông 5G	Mạng 5G được cấp phép triển khai chính thức	Tháng 12	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các doanh nghiệp viễn thông	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn.

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
3	Xóa vùng lùm sóng di động trên phạm vi toàn quốc	Phủ sóng băng rộng di động cho các thôn, bản đang lùm sóng và đã có điện lưới quốc gia	Tháng 11	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn.
4	Phổ cập Internet cáp quang tới 100% thôn, bản trên toàn quốc	100% nhà văn hóa thôn, bản đã có điện lưới quốc gia có kết nối Internet cáp quang băng rộng. Đối với các nơi có địa hình phức tạp, nguồn lực đầu tư lớn cần xây dựng báo cáo đánh giá, đề xuất cụ thể	Tháng 11	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn.
VII ĐẢM BẢO AN TOÀN, AN NINH THÔNG TIN						
1	Triển khai, đưa vào sử dụng Nền tảng hỗ trợ quản lý bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ trên phạm vi toàn quốc	100% bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sử dụng	Tháng 11	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn.
2	Rà soát, đưa ra cảnh báo lỗ hổng bảo mật, tình trạng lộ lọt thông tin các Cổng Thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương	Đưa ra cảnh báo với các bộ, ngành, địa phương.	Thường xuyên	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Công an, các bộ, ngành, địa phương	Đã triển khai đến các đơn vị, địa phương trên địa bàn Tỉnh cập nhật lỗ hổng bảo mật, thực hiện rà soát, khắc phục các lỗ hổng (636/STTTT-CDS&ATTT - 21/05/2024)

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
3	Rà soát, đánh giá tình trạng lộ lọt thông tin, dữ liệu cá nhân người dùng trên môi trường số, đưa ra cảnh báo	Đưa ra cảnh báo với các bộ, ngành, địa phương	Thường xuyên	Bộ Công an	Bộ Thông tin và Truyền thông	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Công an Tỉnh).
VIII TRUYỀN THÔNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC SỐ						
1	Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” (theo Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ)	Văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông	Tháng 4	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Đã ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (115/KH-UBND - 08/04/2024).
2	Chỉ đạo các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình đẩy mạnh thông tin tuyên truyền sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số quốc gia, nhất là dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng số,	Thường xuyên chỉ đạo tại giao ban báo chí hàng tuần;	Thường xuyên	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Ban hành văn bản định hướng công tác thông tin, tuyên truyền Tuần thứ 20 năm 2024 (638/STTTT-TTBCXB - 21/05/2024). Trong 11 tháng đầu năm, toàn tỉnh có 2.610 lượt tin, bài tuyên truyền về chuyển đổi số trên các phương tiện truyền thông (tháng 11 là 268 tin, bài).

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
3	Đẩy mạnh hoạt động hướng dẫn, nâng cao kỹ năng, ứng phó với các tiêu cực trên mạng xã hội bằng các nội dung thiết thực, hiệu quả	Nắm bắt kịp thời, hạn chế các thông tin sai lệch, tiêu cực trên mạng xã hội và có giải pháp, định lượng cụ thể	Thường xuyên	Bộ Thông tin và Truyền thông		Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn.
4	Tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số, kỹ năng sử dụng các nền tảng số cho đội ngũ cán bộ, công chức; cán bộ chuyên trách; người dân, doanh nghiệp; cơ quan, cá nhân thuộc Mạng lưới chuyển đổi số từ trung ương đến cơ sở	Hoàn thành các khóa đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, sử dụng các nền tảng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp; cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số	Tháng 12	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương	Triển khai các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số trên nền tảng học mở trực tuyến (MOOCs), đến nay đã có 5.785 (tăng 1.238 tài khoản so với tháng 10) nhân sự tham gia (gồm thành viên ban chỉ đạo chuyển đổi số Tỉnh, cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm công tác chuyển đổi số tại các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn Tỉnh) với 60.310 lượt tham gia các khóa học (tăng 10.537 lượt so với tháng 10), trong đó có 45.952 khóa học đã hoàn thành (tăng 18.284 lượt so với tháng 10), đạt tỷ lệ 76% (tăng 20% so với tháng 10).
5	Tăng cường hợp tác quốc tế trong chuyển đổi số để thu hút nguồn lực đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nhân lực chuyển đổi số	Các hoạt động hợp tác, đào tạo về chuyển đổi số, nhất là bồi dưỡng, phát triển nhân lực chuyển đổi số	Thường xuyên	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; các bộ, ngành, địa phương	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn.

TT	Nhiệm vụ	Kết quả thực hiện	Thời gian hoàn thành	Cơ quan thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện đến tháng 11 năm 2024
6	Nghiên cứu, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ hoặc ban hành theo thẩm quyền Đề án đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số nói chung và Đề án 06 nói riêng	Đề án được ban hành	Tháng 6	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an và các bộ, ngành liên quan	Sẽ thực hiện khi có văn bản hướng dẫn (Sở Giáo dục và Đào tạo).

Phụ lục VI

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO ĐỀ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STTTT ngày /11/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Khái toán kinh phí	Trong đó		Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Tình hình thực hiện
			ĐTPT (TW)	ĐTPT (ĐP)			
	TỔNG CỘNG (27 dự án)	706,966	70,000	444,909			
A	CÁC DỰ ÁN ĐÃ BỔ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (10 dự án)	237,944	50,000	166,700			
1	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và nền tảng dữ liệu mở tỉnh Đồng Tháp (vốn NSTT)	43,300		39,000	2022 - 2024	Sở TT&TT	Đang thực hiện, dự kiến hoàn thành năm 2024
2	Nâng cấp Hệ thống hạ tầng phục vụ Chính quyền số và an toàn thông tin mạng tỉnh Đồng Tháp (vốn NSTW)	55,800	50,000		2022 - 2024		Đã thực hiện hoàn thành năm 2023
3	Cổng dịch vụ công và điều hành tác nghiệp nội bộ tỉnh Đồng Tháp (vốn NSTT)	20,079		18,000	2021 - 2023		Đã thực hiện hoàn thành năm 2023
4	Hệ thống thông tin ngành Thông tin và Truyền thông (vốn NSTT)	5,618		5,600	2021 - 2022		Đã thực hiện hoàn thành năm 2022
5	Triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC) (vốn NSTT)	24,119		21,700	2021 - 2023		Đã thực hiện hoàn thành năm 2023
6	Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu GIS phục vụ quản lý cơ sở hạ tầng giai đoạn 1, trên địa bàn huyện Cao Lãnh (vốn NSTT)	15,809		14,200	2021 - 2023	Sở TN&MT	Đã thực hiện hoàn thành năm 2023
7	Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu GIS phục vụ quản lý cơ sở hạ tầng giai đoạn 1, trên địa bàn huyện Lấp Vò (vốn NSTT)	13,528		13,500	2021 - 2023		Đã thực hiện hoàn thành năm 2023

8	Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu GIS phục vụ quản lý cơ sở hạ tầng giai đoạn 1, trên địa bàn huyện Lai Vung (vốn NSTT)	10,135		10,100	2021 - 2023		Đã thực hiện hoàn thành năm 2023
9	Xây dựng Hệ thống quản lý quy hoạch hạ tầng đô thị (vốn NSTT)	29,375		26,400	2022 - 2024	Sở Xây dựng	Đang thực hiện, dự kiến hoàn thành năm 2024
10	Hệ thống nền tảng nông nghiệp số	20,181		18,200	2024 - 2025	Sở NN & PTNT	Đang thực hiện, dự kiến hoàn thành năm 2025
B	CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN PHÂN BỐ NĂM 2025	382,022	0	226,209			
I	Các dự án đã thẩm định chủ trương đầu tư (06 dự án)	99,516	0	86,359			
1	Hệ thống thông tin ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch (tên cũ: Xây dựng Hệ thống phục vụ du lịch thông minh)	4,000		4,000	2024 - 2025	Sở VH-TT-DL	UBND Tỉnh đã phê duyệt CTĐT tại Quyết định số 738/QĐ-UBND.HC ngày 30/8/2024
2	Triển khai bệnh án điện tử cho bệnh các bệnh viện Đa khoa khu vực	9,500		7,900	2024 - 2025	Sở Y tế	Đã thẩm định CTĐT tại Báo cáo số 107/BC-SKHĐT ngày 14/8/2024
3	Triển khai xây dựng mô hình bệnh viện thông minh	20,505		17,000	2024 - 2025		Đã thẩm định CTĐT tại Báo cáo số 106/BC-SKHĐT ngày 14/8/2024
4	Xây dựng hệ thống thông tin điều hành y tế thông minh ngành y tế	28,080		22,700	2024 - 2025		Đã thẩm định CTĐT tại Báo cáo số 105/BC-SKHĐT ngày 14/8/2024
5	Hệ thống thông tin ngành Giáo dục (tên cũ: Ứng dụng công nghệ thông tin ngành giáo dục và đào tạo tỉnh ĐT)	9,759		9,759	2024 - 2025	Sở GD&ĐT	Đã ký xong Biên bản họp thẩm định CYĐY ngày 13/9/2024, CĐT đang hoàn thiện gửi lại để BC QK TĐ

6	Hệ thống camera giám sát giao thông đường bộ	27,672		25,000	2024 - 2025	Công an Tỉnh	Đã thẩm định CTĐT tại Báo cáo số 144/BC-SKHĐT ngày 17/10/2024
II	Các dự án đang thẩm định (05 dự án)	264,006	0	121,350			
1	Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Hồng Ngự, huyện Thanh Bình, huyện Châu Thành, huyện Tam Nông, huyện Tháp Mười, huyện Tân Hồng, huyện Hồng Ngự mở rộng bản đồ nền GIS để áp dụng cho các dữ liệu không gian của các chuyên ngành (vốn SDD)	133,764		25,000	2024 - 2027	Sở TN&MT	Đã thẩm định CTĐT tại Báo cáo số 42/BC-SKHĐT ngày 02/5/2024
2	Xây dựng hệ thống quản lý hạ tầng giao thông	20,700		18,700	2024 - 2026	Sở GTVT	Đã thẩm định CTĐT tại Báo cáo số 94/BC-SKHĐT ngày 24/7/2024. Sở GTVT đã hoàn chỉnh trình lại Tờ trình 751/TTr-SGTVT-KHTC ngày 09/10/2024
3	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý chăm sóc sức khỏe cộng đồng	38,450		25,150	2022 - 2025	Sở Y tế	Tờ trình số 65/TTr-SYT ngày 23/8/2024 của Sở Y tế, đã họp thẩm định ngày 20/9/2024, và yêu cầu hoàn chỉnh lại
4	Thiết bị phòng chức năng phục vụ dạy học STEM/STEAM	28,677		25,800	2024 - 2025	Sở GD&ĐT	Đã họp thẩm định CTĐT 2 lần. Sở GD&ĐT đã hoàn chỉnh Tờ trình 289/TTr-SGDĐT ngày 07/10/2024
5	Triển khai ứng dụng bệnh án điện tử cho các bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh và 12 Trung tâm Y tế tuyến huyện	42,415		26,700	2022 - 2025	Sở Y tế	Đã có CV 2820/SKHĐT-ĐTC

							ngày 07/10/2024 gửi lấy ý kiến thẩm định
III	Các dự án dự kiến thẩm định năm 2025 (02 dự án)	18,500	0	18,500			
1	Hệ thống thông tin ngành Công Thương	9,000		9,000	2022 - 2024	Sở Công Thương	Sở Công Thương đang học tập kinh nghiệm dự án tương tự, sẽ trình thẩm định năm 2025
2	Xây dựng Hệ thống đào tạo trực tuyến tỉnh	9,500		9,500	2024 - 2025	Sở GD&ĐT	Đơn vị chưa trình CTĐT
C	CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN SAU (04 dự án)	87,000	20,000	52,000			
1	Thiết lập hệ thống quan trắc môi trường thông minh	30,000		30,000	2023 - 2024	Sở TN&MT	Đang trình phê duyệt Đề án xây dựng hệ thống quan trắc tài nguyên và môi trường tự động tỉnh, để làm cơ sở lập đề xuất chủ trương dự án
2	Hệ thống thông tin Kế hoạch và Đầu tư	7,000		7,000	2023 - 2024	Sở KH&ĐT	
3	Hệ thống thông tin ngành Lao động - Thương binh và xã hội	20,000	20,000		2024 - 2025	Sở LĐTBXH	Đang trình UBND Tỉnh chủ trương thuê DV CNTT, dự kiến không sử dụng vốn ĐTPT

4	Triển khai 6 “ <i>Làng thông minh</i> ” (tên cũ: Thí điểm các tiện ích phục vụ 03 làng thông minh)	30,000		15,000	2024 - 2025	Sở NN & PTNT	Kế hoạch 87 triển khai làng thông minh đến năm 2024 có 7 làng thông minh, đến năm 2025 có 9 làng thông minh, đã sử dụng vốn SN CTMTQG, không có nhu cầu sử dụng
---	--	--------	--	--------	-------------	--------------	---

Phụ lục VII

**TỔNG HỢP THỜI ĐIỂM NHẬN BÁO CÁO TỪ CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG
GỬI SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG THÁNG 11/2024**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STTTT ngày /11/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông)

	Tên Đơn vị	Ngày văn bản		Mẫu báo cáo tình hình khó khăn, vướng mắc, hạn chế, kiến nghị			Mẫu phụ lục			Ghi chú
		Đúng hạn (trước 18/11/2024)	Trễ hạn	Đã nhận	Đầy đủ	Chưa đầy đủ	Đã nhận	Đầy đủ	Chưa đầy đủ	
1	Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh									
2	Thanh tra Tỉnh		18/11/2024	x	x		x	x		1244/TTr-VP
3	Ban Quản lý khu Kinh tế	15/11/2024		x	x		x	x		1836/KKT-VP
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	15/11/2024		x	x		x	x		544/SGDĐT-VP
5	Sở Kế hoạch và Đầu tư	14/11/2024		x	x		x	x		156/BC-SKHDT
6	Sở Công thương		20/11/2024	x	x		x	x		3443/BC-SCT
7	Sở Tư pháp		18/11/2024	x	x		x	x		2270/STP-VP
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	15/11/2024		x	x		x	x		4586/BC-SNN
9	Sở Tài chính		18/11/2024	x	x		x	x		244/STC-VP
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	15/11/2024		x	x		x	x		4958/SVHTTDL-VP
11	Sở Giao thông Vận tải	14/11/2024		x	x		x	x		2578/SGTVT-KHTC

12	Sở Ngoại vụ		18/11/2024	x	x		x	x		1726/SNGV-VP
13	Sở Xây dựng	15/11/2024		x	x		x	x		3294/SXD-VP
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	15/11/2024		x	x		x	x		5582/STNMT-VP
15	Sở Y tế		19/11/2024	x	x		x	x		4828/SYT-VP
16	Sở Khoa học và Công nghệ	15/11/2024		x	x		x	x		2552/BC/SKHCN
17	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	16/11/2024		x	x		x	x		403/BC-SLĐTBXH
18	Sở Nội vụ		18/11/2024	x	x		x	x		3723/SNV-TH
19	UBND thành phố Cao Lãnh	15/11/2024		x	x		x	x		538/BC-UBND
20	UBND thành phố Hồng Ngự		18/11/2024	x	x		x	x		4238/BC-UBND
21	UBND thành phố Sa Đéc		20/11/2024	x	x		x	x		446/BC-UBND
22	UBND huyện Hồng Ngự	15/11/2024		x	x		x	x		735/BC-BCĐ
23	UBND huyện Châu Thành	15/11/2024		x	x		x	x		652/BC-UBND
24	UBND huyện Lấp Vò									
25	UBND huyện Lai Vung	15/11/2024		x	x		x	x		582/BC-UBND
26	UBND huyện Thanh Bình		18/11/2024	x	x		x	x		855/BC-BCĐCĐS
27	UBND huyện Tháp Mười	15/11/2024		x	x		x	x		10515/BC-UBND
28	UBND huyện Tam Nông	15/11/2024		x	x		x	x		702/BC-BCĐCĐS
29	UBND huyện Cao Lãnh	13/11/2024		x	x		x	x		1147/BC-PVHTT
30	UBND huyện Tân Hồng		18/11/2024	x	x		x	x		692/VHTT
	Tổng hợp số lượng:	17	11	28	28	0	28	28	0	